

## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b>BÀI 1: GIỚI THIỆU NGHỀ NẤU ĂN</b> <b>Tiết 2</b>
Khối lớp	<b>Khối 9 – Tuần 2</b>
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	<p><b><u>2. Yêu cầu của nghề</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Có đạo đức nghề nghiệp</li><li>- Có kiến thức chuyên môn</li><li>- Có kỹ năng thực hành nấu nướng</li><li>- Biết tính toán, lựa chọn thực phẩm</li><li>- Sử dụng thành thạo và hợp lí nguyên liệu và dụng cụ</li><li>- Chế biến món ăn ngon, hợp khẩu vị, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm</li></ul> <p><b>III. Triển vọng của nghề</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Là nghề không thể thiếu được trong thời đại hiện nay.</li><li>- Góp phần thu hút du khách trong và ngoài nước nhằm phát triển du lịch.</li><li>- Nhiều trường lớp đào tạo nấu ăn được phát triển mạnh mẽ nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và thể hiện nét văn hóa ẩm thực của đất nước.</li></ul>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học	Câu hỏi: Theo em, vì sao nghề nấu ăn là nghề không thể thiếu được trong thời đại hiện nay?
Hoạt động 3: Dặn dò	Em hãy chép bài và trả lời câu hỏi vào vở Xem trước nội dung bài 2

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề:</b>	<b>BÀI 2: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN DỤNG CỤ, THIẾT BỊ NHÀ BẾP TIẾT 1</b>
<b>Khối lớp</b>	<b>Khối 9 – Tuần 3</b>
<b>Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</b>	<p><b>I. DỤNG CỤ VÀ THIẾT BỊ NHÀ BẾP</b></p> <p><b><u>1/ Dụng cụ nhà bếp</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dụng cụ cắt thái : dùng để cắt nhỏ thực phẩm trước khi chế biến, giúp món ăn đẹp mắt Vd: dao, kéo, thớt, cối, chày, máy xay thịt...</li> <li>- Dụng cụ để trộn: có tác dụng làm cho nguyên liệu thực phẩm được trộn và đảo đều trước khi được nấu chín. Vd: cây đánh trứng, tô, đũa, máy xay sinh tố...</li> <li>- Dụng cụ đo lường: giúp cân đo, tính toán chính xác lượng thực phẩm cần dùng Vd: cân, thìa (muỗng), ca đong...</li> <li>- Dụng cụ nấu nướng: giúp làm chín thực phẩm một cách nhanh chóng và thuận tiện Vd: nồi, niêu, soong, chảo, xung hấp, chảo...</li> <li>- Dụng cụ dọn ăn: giúp cho việc ăn uống thuận tiện và hợp vệ sinh Vd: chén, bát, mâm, khay, ly, đũa, đĩa...</li> <li>- Dụng cụ dọn rửa: giúp chúng ta làm sạch bát, chén, soong, nồi ... một cách thuận tiện và sạch sẽ Vd: bồn rửa bát, chậu rửa bát, mút xốp rửa bát...</li> <li>- Dụng cụ bảo quản thực phẩm: giúp chúng ta bảo quản thực phẩm, thức ăn không bị bốc mùi hoặc bị ôi thiu trong một thời gian cố định Vd: Hộp đựng thức ăn, màng bọc thực phẩm, ...</li> </ul> <p><b><u>2/ Thiết bị nhà bếp</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị dùng điện: tủ lạnh, lò nướng, nồi cơm điện...</li> <li>- Thiết bị dùng gas: bếp gas đôi, bếp gas mini, bếp gas âm ...</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</b>	<p>Câu hỏi: Em hãy kể tên một số dụng cụ nhà bếp được làm từ chất liệu gỗ, inox, nhôm, thủy tinh, nhựa mà em biết</p>
<b>Hoạt động 3: Dặn dò</b>	<p>Em hãy chép bài và trả lời câu hỏi vào vở</p>









**Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại khi thực hiện các nhiệm vụ học tập (nếu có).**

Trường:

Lớp:

Họ và tên học sinh:

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
Địa lí		1. 2.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC KHỐI LỚP 9 TUẦN 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG
Hoạt động 1. <i>Đọc văn bản ở SGK</i>  2. <i>Trả lời câu hỏi 1,2,3,4,5 phần Đọc Hiểu văn bản ở SGK</i>	<p>CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG</p> <p><b>I. ĐỌC- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả:</b> Nguyễn Dữ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ông sống vào nửa đầu thế kỉ XVI, là học trò giỏi của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bình Khiêm.</li><li>- Sống vào thời kì chế độ phong kiến Lê-Mạc-Trịnh tranh giành quyền lực, loạn lạc triền miên, dân tình khốn khổ.</li><li>- Thi đỗ hương cống, chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi rừng Thanh Hoá.</li></ul> <p><b>2. Tác phẩm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Xuất xứ: trích “Truyện kì mạn lục”(ghi chép tản mạn những câu chuyện kì lạ được lưu truyền)</li><li>b. Thể loại: truyện truyền kì</li><li>c. Bố cục: 3 phần</li></ul> <p><b>II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN.</b></p> <p><b>1. Vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tính tình thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp</li><li>+ <b>Biết chồng</b> có tính đa nghi, nàng giữ gìn khuôn phép</li><li>+ <b>Tiền chồng:</b> chỉ mong ngày về mang theo hai chữ bình an</li><li>+ <b>Khi xa chồng:</b> luôn thủy chung, chờ đợi</li><li>- Một mình sinh con, nuôi dạy con. Hằng đêm nàng trở bóng mình trên vách, bảo đó là cha.</li><li>- <b>Với mẹ chồng:</b></li><li>+ Khi bà ốm: nàng lo thuốc thang, lễ bái thần phật, lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn.</li><li>+ Khi bà mất: Lo ma chay tế lễ như với cha mẹ đẻ.</li></ul> <p>→ Đẹp người, đẹp nết. Thương chồng, thương con chung thủy, đảm đang, khéo léo, hiếu thảo. Vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam</p> <p><b><u>Ý nghĩa chi tiết “cái bóng”: Thất nút-tháo nút</u></b></p> <p><b>2. Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm</b></p>

3. Đọc Ghi  
nhớ SGK

- Bị chồng nghi oan, đánh đập, đuổi đi
  - Phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình, xin đừng nghi oan.
  - Đau đớn, thất vọng vì bị đối xử bất công.
  - Cùng đường, tìm đến cái chết để khẳng định tấm lòng trong trắng
  - Sự việc phát triển → cao trào → kết quả
- Số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt nam dưới chế độ phong kiến

**3. Vũ Nương sống ở thủy cung:**

- Cung gấm đèn dao, nguy nga lộng lẫy, được gặp Phan Lang
- Được trở về trong giây lát, rục rịch, uy nghi.
- > Thể hiện mơ ước của người xưa về lẽ công bằng

**III. TỔNG KẾT (SGK)**

**NGHỆ THUẬT**

- Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, hợp lí.
- Khắc họa nhân vật qua đối thoại và tự bạch.
- Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.
- Yếu tố kì ảo đan xen với yếu tố hiện thực.

**NỘI DUNG:**

- Niềm cảm thương sâu sắc đối với số phận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến
- Vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

4. Đọc và  
thực hiện  
yêu cầu bài

**SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong VB thuyết minh:**

**1. Ví dụ: (sgk/24)**

Nhan đề: *Cây chuối trong đời sống Việt Nam*

**a. Vai trò tác dụng của cây chuối với đời sống con người:**

- Vai trò: của cây chuối đối với đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam từ xưa đến nay .
- Thái độ và tác dụng của con người trong việc nuôi trồng, chăm sóc và sử dụng có hiệu quả các giá trị của cây chuối.

**b. Những câu văn thuyết minh về đặc điểm của cây chuối :**

Đi khắp Việt Nam, nơi đâu ta cũng bắt gặp những cây chuối thân mềm....

Cây chuối rất ưa nước nên người ta thường trồng bờ ao...

Chuối phát triển rất nhanh...

Cây chuối là thức ăn thức dụng từ thân

đến lá, từ gốc đến hoa quả

+ Chuối chín để ăn.

+ Chuối xanh để chế biến thức ăn.

+ Chuối để thờ cúng

**c. Câu văn miêu tả về cây chuối :**

Thân mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng, toả ra vòm tán lá xanh mướt che rợp từ vườn tược đến núi rừng.

Tròn như đầu người, lớn dần theo thời gian, có rễ chùm nằm dưới mặt đất chuối mọc thành rừng bạt ngàn vô tận. Chuối phát triển rất nhanh, chuối mẹ đẻ chuối con, chuối con đẻ chuối cháu, cứ phải gọi là con đàn cháu lũ

Vị ngọt ngào và hương thơm hấp dẫn...vỏ chuối có những vết lõm dóm như vỏ trứng cuốc"...

Không thiếu những buồng chuối dài từ ngọn cây uốn trĩu xuống tận gốc cây.

	<p>→ Dùng so sánh, nhân hóa, từ láy, từ tượng hình</p> <p>* <b>Ghi nhớ:</b> (sgk/ 25)</p> <p><b>Đề thuyết minh cho cụ thể sinh động, hấp dẫn, bài thuyết minh có thể kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả. Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật gây ấn tượng.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh cần rõ ràng , mạch lạc các đặc điểm, giá trị, quá trình hình thành đối tượng thuyết minh.</li> <li>- Cần vận dụng yếu tố miêu tả làm cho đối tượng hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận.</li> </ul>
<p><b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b></p>	<p><b>CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG</b></p> <p><b>Câu 2. Nhân vật Vũ Nương được miêu tả trong những hoàn cảnh nào? Ở từng hoàn cảnh, Vũ Nương đã bộc lộ những đức tính gì?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong môi quan hệ vợ chồng hàng ngày: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trương Sinh có tính đa nghi, phòng ngừa vợ quá mức.</li> <li>• Biết chồng như vậy nên luôn giữ gìn khuôn phép, vợ chồng ít khi bất hòa.</li> </ul> </li> </ul> <p>=&gt; Một người vợ thấu hiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong những ngày xa chồng: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chăm sóc con cái, mẹ chồng</li> <li>• Chăm sóc chu đáo khi mẹ chồng ốm: “Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn”</li> <li>• Lo ma chay chu đáo khi mẹ chồng mất.</li> </ul> </li> </ul> <p>=&gt; Một người mẹ hiền, dâu thảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi bị chồng nghi oan: Hết lời giải thích, nhưng khi bị đẩy đến bước đường cùng thì đành lựa chọn cái chết để chứng minh sự trong sạch.</li> </ul> <p>=&gt; Khi đặt nhân vật vào những hoàn cảnh tình huống khác nhau, tác giả đã thể hiện được những nét tính cách tốt đẹp của nhân vật một cách chân thực và cụ thể.</p> <p><b>Câu 3. Vì sao Vũ Nương phải chịu nỗi oan khuất? Từ đó, em cảm nhận được điều gì về thân phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân trực tiếp: Do chồng nàng là Trương Sinh có tính hay ghen, đa nghi và không chịu nghe lời vợ giải thích.</li> </ul>

	<p>- Nguyên nhân gián tiếp: Do xã hội phong kiến đã gây ra bao nhiêu bất công, phân biệt đối với người phụ nữ khiến cuộc đời, số phận của họ phải chịu nhiều bi thảm.</p> <p><b>Câu 4. Hãy nêu nhận xét về cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện, những lời trần thuật và những lời đối thoại trong truyện.</b></p> <p>- Tình huống truyện đầy bất ngờ, căng thẳng.</p> <p>- Những lời trần thuật tự nhiên, chân thực.</p> <p>- Những lời đối thoại đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tình huống câu chuyện, góp phần giải bày tâm trạng của nhân vật.</p> <p><b>Câu 5. Tìm những yếu tố kì ảo trong truyện. Đưa những yếu tố kì ảo và một câu chuyện quen thuộc, tác giả nhằm thể hiện điều gì?</b></p> <p>- Những yếu tố kì ảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phan Lang nằm mộng cứu Linh Phi</li> <li>• Phan Lang được Linh Phi cứu xuống thủy cung</li> <li>• Vũ Nương còn sống và gặp lại Phan Lang dưới thủy cung</li> <li>• Trương Sinh lập đàn giải oan, Vũ Nương hiện về lúc hiện lúc ẩn.</li> </ul> <p>- Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạo ra một cái kết có hậu hơn cho câu chuyện.</li> <li>• Thể hiện niềm cảm thương của nhà văn dành cho số phận người phụ nữ trong xã hội xưa.</li> <li>• Thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân: người tốt sẽ được minh oan và đền đáp xứng đáng.</li> </ul> <p><b>SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH</b>  <b>Bài tập 1,2 SGK trang 26</b></p>
--	--

**1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
VĂN BẢN	<b>CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG</b>	1. 2. 3.

TẬP LÀM VĂN	SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH	1. 2. 3.
-------------------	--	----------------

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**  
**TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN**

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC KHỐI LỚP 9 TUẦN 2**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>		
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9</b>	<b>CHỦ ĐỀ GIAO TIẾP: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI LỜI DẪN TRỰC TIẾP, LỜI DẪN GIÁN TIẾP ĐÁU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH</b>		
<b>Hoạt động</b>	<b>CHỦ ĐỀ GIAO TIẾP: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI LỜI DẪN TRỰC TIẾP, LỜI DẪN GIÁN TIẾP</b>		
	<b>TT</b>	<b>Phương châm hội thoại</b>	<b>Những điều cần lưu ý khi giao tiếp</b>
	1	<i>Phương châm về lượng</i>	Cần nói có nội dung. Nội dung phải đáp ứng đúng yêu cầu cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.
	2	<i>Phương châm về chất</i>	- Đừng nói những điều mình không tin là Đúng hay không có bằng chứng xác thực.
	3	<i>Phương châm quan hệ</i>	Cần nói đúng đề tài giao tiếp. Tránh nói lạc đề.
	4	<i>Phương châm cách thức</i>	Chú ý nói ngắn gọn, rành mạch. Tránh cách nói mơ hồ.
	5	<i>Phương châm lịch sự</i>	Cần tế nhị, tôn trọng người khác.
<b>Đọc tình huống Chào hỏi</b>	<b>I. <u>Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp</u></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu hỏi của chàng rể tuân thủ phương châm lịch sự. Vì thể hiện sự quan tâm đến người khác.</li> <li>- Sử dụng không đúng lúc, không đúng chỗ.</li> <li>- Hậu quả: Quấy rối, gây phiền hà cho người khác.</li> </ul>		

<p><i>Đọc câu hỏi 2,3,4/II</i></p> <p><i>Thực hiện câu hỏi I,II SGK</i></p>	<p><b>Bài học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần chú ý đến đặc điểm của tình huống giao tiếp. Vì một câu nói có thể thích hợp trong tình huống này nhưng không thích hợp trong một tình huống khác.</li> <li>- Vận dụng PCHT phải phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp: nói với ai, nói khi nào, nói ở đâu, nói để làm gì?</li> </ul> <p><b>II. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại</b></p> <p><b>Nguyên nhân:</b></p> <p>Thiếu hiểu biết, vô ý, vụng về</p> <p>Phải ưu tiên cho một PCHT hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn</p> <p>Muốn gây sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.</p> <p><b>LỜI DẪN TRỰC TIẾP, LỜI DẪN GIÁN TIẾP</b></p> <p><b>Dẫn trực tiếp:</b> Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép</p> <p><b>Dẫn gián tiếp:</b> Thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép</p>
<p><i>1. Đọc văn bản ở SGK</i></p> <p><i>Đọc Chú thích</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>ĐÁU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH</b></p> <p><b><u>I. ĐỌC HIỂU</u></b></p> <p><b>1. Tác giả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két.</li> <li>- Nhà văn: Cô-lôm-bi-a.</li> <li>- Sinh năm 1928.</li> <li>- Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết và tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo.</li> <li>- Đạt giải Noben Văn học năm 1982</li> </ul> <p><b>2. Tác phẩm:</b></p> <p><b>*Xuất xứ:</b></p> <p>Trích bản tham luận mà Mác-két đọc tại cuộc họp của nguyên thủ 6 nước bàn về việc chống chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình thế giới 1986.</p> <p><b>*Kiểu văn bản: Nhật dụng.</b></p> <p><b>*Thể loại: Nghị luận.</b></p>
<p><i>2. Trả lời câu hỏi 1,2,3,4 phần Đọc Hiểu văn bản ở SGK trang</i></p>	<p><b><u>II. Đọc – tìm hiểu văn bản:</u></b></p> <p><b><u>1/ <i>Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa cuộc sống trên Trái đất</i></u></b></p> <p>Chúng ta đang ở đâu? Hôm nay ngày 8/8/1986,....</p> <p>=&gt;Cách vào đề hấp dẫn mang tính thời sự bằng việc xác định đỉnh cao của quá trình tiến hóa nhân loại, gây ấn tượng mạnh.</p>

“ nguy cơ ghê gớm đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét.”

=>so sánh

Nêu vấn đề trực tiếp.

- Lý lẽ kết hợp với dẫn chứng đều dựa trên sự tính toán khoa học, kết hợp với sự bộc lộ trực tiếp thái độ của tác giả.

=>Tác động mạnh mẽ và khơi gợi sự đồng tình.

Thái độ của tác giả:

- Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét.

- Không có một ngành khoa học nào tiến bộ nhanh như ngành công nghiệp hạt nhân.

- Không có 1 đứa con tài năng nào lại có tầm quyết định quan trọng như vậy đối với đất nước

Nghệ thuật: so sánh, lập luận sắc sảo

-> Phê phán mặt trái của những phát minh khoa học

*Sức hủy diệt và tàn phá ghê gớm của vũ khí hạt nhân đang đe dọa trực tiếp cuộc sống trên trái đất .*

*2.Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân làm mất đi khả năng con người được sống tốt đẹp hơn*

- Về XH

- Về y tế

- Về thực phẩm

- Về giáo dục

-> Dẫn chứng toàn diện, đối chiếu số liệu cụ thể, thuyết phục

=> *Cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân làm mất đi khả năng con người được sống tốt đẹp hơn, phi nhân đạo*

*3.Chiến tranh hạt nhân chẳng những đi ngược lại lí trí của con người mà còn phản lại sự tiến hoá của tự nhiên.*

	<div data-bbox="446 241 1323 903" data-label="Diagram"> </div> <p data-bbox="397 945 1421 1165"> <b>4. Nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân.</b>  - Đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hoà bình  - Đề nghị mở nhà băng lưu trữ trí nhớ  =&gt; Lập luận hài hước → Nhân văn, trân trọng cuộc sống, lên án mạnh mẽ chiến tranh hạt nhân. </p> <p data-bbox="397 1249 1421 1554"> <b>III. TỔNG KẾT:</b>  <b>1. Nghệ thuật:</b>  Lập luận chặt chẽ, chứng cứ cụ thể, phong phú, sinh động .  <b>2. Nội dung:</b>  Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa loài người và sự sống trên trái đất . Mọi người cần phải đấu tranh, ngăn chặn chiến tranh hạt nhân cho một thế giới hòa bình. </p>
<b>3. Đọc Ghi nhớ SGK</b>	<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá</b> <b>CHỦ ĐỀ GIAO TIẾP: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI</b> <b>LỜI DẪN TRỰC TIẾP, LỜI DẪN GIÁN TIẾP</b> <u>Bài 1,2 /38 SGK</u> <u>Bài 1,2,3 /54,55 SGK</u>

quá trình tự học.

Lưu ý :

Kí hiệu 1:  
câu nhận  
biết

Kí hiệu 2:  
câu thông  
hiểu

## ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH

### Chọn đáp án đúng

**Câu 1 (1):** Đấu tranh cho một thế giới hòa bình là văn bản viết theo phương thức nào?

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Thuyết minh
- D. Miêu tả

**Câu 2 (1):** Nội dung nào không được đặt ra trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình?

- A. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất
- B. Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại để ngăn chặn nguy cơ đó
- C. Cần kích thích khoa học kỹ thuật phát triển nhưng không phải bằng con đường chạy đua vũ trang
- D. Cần chạy đua vũ trang để chống lại chiến tranh hạt nhân

**Câu 3 (1):** Văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình có nội dung gì?

- A. Nói về nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa tới sự sống của nhân loại
- B. Sự tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang cướp đi sự phát triển của nhân loại
- C. Biện pháp ngăn chặn, xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân
- D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 4 (2):** Văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình của Mác- kết được coi là một văn bản nhật dụng vì?

- A. Vì văn bản thể hiện những suy nghĩ, trăn trở về đời sống của tác giả
- B. Vì lời văn bản giàu màu sắc biểu cảm
- C. Vì nó bàn về một vấn đề lớn lao luôn được đặt ra ở mọi thời
- D. Vì nó kể lại một câu chuyện với những tình tiết li kì, hấp dẫn

**Câu 5 (2):** Nhận định chính xác nhất về nét đặc sắc nghệ thuật viết văn của Mác kết thể hiện trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình

- A. Xác định hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng
- B. Sử dụng phối hợp các phép lập luận khác nhau

- C. Có nhiều chứng cứ sinh động, cụ thể, giàu sức thuyết phục
- D. Kết hợp các nhận định trên

**Phiếu học tập 3 (2)**

Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* của nhà văn G.G. Mác-két. Theo em, ngày nay, nguy cơ này còn không hay con người còn phải đối mặt với những nguy cơ nào nữa?

**\* Gợi ý trả lời:**

Em ấn tượng về điều gì của văn bản? (Nội dung hay nghệ thuật lập luận – HS cần chỉ rõ)

Suy nghĩ về những nguy cơ mà ngày nay loài người phải đối mặt

**1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
VĂN BẢN	<b>ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH</b>	1. 2. 3.
TIẾNG VIỆT	<b>CHỦ ĐỀ GIAO TIẾP: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI LỜI DẪN TRỰC TIẾP, LỜI DẪN GIÁN TIẾP</b>	1. 2. 3.

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN HÓA HỌC LỚP 9**  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

**CHỦ ĐỀ: OXIDE**

Gồm hai bài: Bài 1: Tính chất hoá học của oxide. Khái quát sự phân loại oxide

Bài 2: Một số oxide quan trọng

**BÀI 1: TÍNH CHẤT HOÁ HỌC OXIDE. KHÁI QUÁT SỰ PHÂN LOẠI OXIDE**

**I. Tính chất hóa học của oxide**

**Hoạt động 1: 1. Base Oxide có những tính chất hóa học nào?**

Học sinh đọc mục a,b,c và thí nghiệm (nếu có) ở trang 4, 7/sgk. Sau đó rút ra base oxide tác dụng được với những chất nào? Viết phương trình hóa học?

**Tính chất 1: Base Oxide tác dụng với nước. Sản phẩm là dung dịch base**

PTHH : Base oxide + Nước → Dung dịch base (kiềm)

Lưu ý: Chỉ một số base oxide mới tan được trong nước như:  $K_2O$ ,  $Na_2O$ ,  $CaO$ ,  $BaO$ .

Ví dụ:  $K_2O + H_2O \rightarrow 2 KOH$

$CaO + H_2O \rightarrow Ca(OH)_2$

**Tính chất 2: Base Oxide tác dụng với Acid. Sản phẩm là muối và nước**

PTHH : Base oxide + Acid → Muối + Nước

Ví dụ:  $Al_2O_3 + 6HCl \rightarrow 2AlCl_3 + 3H_2O$

$CuO + H_2SO_4 \rightarrow CuSO_4 + H_2O$

**Tính chất 3: Base Oxide tác dụng với Acid Oxide. Sản phẩm là Muối**

PTHH : Base oxide + Acid Oxide → Muối

Lưu ý: Chỉ một số base oxide mới tan được với Acid Oxide như:  $K_2O$ ,  $Na_2O$ ,  $CaO$ ,  $BaO$ .

Ví dụ:  $Na_2O + CO_2 \rightarrow Na_2CO_3$

$CaO + SO_3 \rightarrow CaSO_4$

**Hoạt động 2 : 2. Acidic Oxide có những tính chất hóa học nào?**

Học sinh đọc mục a,b,c và thí nghiệm (nếu có) ở trang 5, 10/sgk. Sau đó rút ra acidic oxide tác dụng được với những chất nào? Viết phương trình hóa học?

**Tính chất 1: Acidic Oxide tác dụng với nước. Sản phẩm là dung dịch Acid**

PTHH : Acide oxide + Nước → Dung dịch Acid

Ví dụ:  $SO_2 + H_2O \rightarrow H_2SO_3$

$4P_2O_5 + 3H_2O \rightarrow 2H_3PO_4$

**Tính chất 2: Acide Oxide tác dụng với dung dịch base. Sản phẩm là muối và nước**

PTHH : Acide oxide + Dung dịch base → Muối + Nước

Ví dụ:  $CO_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2CO_3 + H_2O$

$SO_2 + Ca(OH)_2 \rightarrow CaSO_3 + H_2O$

**Tính chất 3: Acide Oxide tác dụng với Base Oxide. Sản phẩm là Muối (xem phần base oxide)**

**Hoạt động 3 : II. Khái quát về sự phân loại oxide**

Đọc sgk/trang 6. Oxide chia làm bốn loại: Acide Oxide, Base Oxide, Oxide trung tính và Oxide lưỡng tính

Lưu ý: Oxide trung tính và Oxide lưỡng tính sau này học

## HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Câu 1 : Oxide là:

- A. Hỗn hợp của nguyên tố oxi với một nguyên tố hoá học khác.
- B. Hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.
- C. Hợp chất của oxi với một nguyên tố hoá học khác.
- D. Hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác

Câu 2: Acide Oxide là:

- A. Những oxide tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
- B. Những oxide tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
- C. Những oxide không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
- D. Những oxide chỉ tác dụng được với muối.

Câu 3: Những dãy chất nào sau đây đều là acidic oxide?

- A.  $\text{CO}_2$ ,  $\text{SO}_3$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$ ,  $\text{NO}_2$
- B.  $\text{CO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{H}_2\text{O}$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$
- C.  $\text{SO}_2$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$ ,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{N}_2\text{O}_5$
- D.  $\text{H}_2\text{O}$ ,  $\text{CaO}$ ,  $\text{FeO}$ ,  $\text{CuO}$

Câu 4: Base Oxide là:

- A. Những oxide tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
- B. Những oxide tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
- C. Những oxide không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
- D. Những oxide chỉ tác dụng được với muối.

Câu 5: Dãy chất gồm các Base oxide:

- A.  $\text{CuO}$ ,  $\text{NO}$ ,  $\text{MgO}$ ,  $\text{CaO}$
- B.  $\text{CuO}$ ,  $\text{CaO}$ ,  $\text{MgO}$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$
- C.  $\text{CaO}$ ,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{K}_2\text{O}$ ,  $\text{Na}_2\text{O}$
- D.  $\text{K}_2\text{O}$ ,  $\text{FeO}$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$ ,  $\text{Mn}_2\text{O}_7$

Câu 6: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch base là:

- A.  $\text{CO}_2$ ,
- B.  $\text{Na}_2\text{O}$ .
- C.  $\text{SO}_2$ ,
- D.  $\text{P}_2\text{O}_5$

Câu 7: Oxide khi tan trong nước làm giấy quỳ chuyển thành màu đỏ là

- A.  $\text{MgO}$
- B.  $\text{P}_2\text{O}_5$
- C.  $\text{K}_2\text{O}$
- D.  $\text{CaO}$

Câu 8:  $\text{SO}_3$  tác dụng được với:

- A. Nước, sản phẩm là base.
- B. Acid, sản phẩm là base.
- C. Nước, sản phẩm là acid
- D. Base, sản phẩm là acid.

Câu 9:  $\text{CuO}$  tác dụng được với:

- A. Nước, sản phẩm là acid.
- B. Base, sản phẩm là muối và nước.
- C. Nước, sản phẩm là base.
- D. Acid, sản phẩm là muối và nước.

Câu 10: Trong các dãy oxit dưới đây, dãy nào thỏa mãn điều kiện tất cả các oxide đều phản ứng với  $\text{HCl}$ ?

- A.  $\text{CuO}$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ ,  $\text{CO}_2$
- B.  $\text{CuO}$ ,  $\text{P}_2\text{O}_5$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$
- C.  $\text{CuO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{BaO}$
- D.  $\text{CuO}$ ,  $\text{BaO}$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$

Câu 11:  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  tác dụng được với:

- A. Nước, sản phẩm là axit.
- B. Axit, sản phẩm là muối và nước.
- C. Nước, sản phẩm là bazơ.
- D. Bazơ, sản phẩm là muối và nước.

Câu 12: Hai oxide tác dụng với nhau tạo thành muối là:

- A.  $\text{CO}_2$  và  $\text{BaO}$ .
- B.  $\text{K}_2\text{O}$  và  $\text{NO}$ .
- C.  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  và  $\text{SO}_3$ .
- D.  $\text{MgO}$  và  $\text{CO}$ .

**BÀI TẬP VỀ NHÀ : BÀI 1,2,3,4 TRANG 6/SGK**

## BÀI 2: MỘT SỐ OXIDE QUAN TRỌNG

Trong bài này giảm tải: Mục CaO có những tính chất nào và SO<sub>2</sub> có những tính chất nào vì hai mục này đã được học trong I và II của bài 1

### **Hoạt động 1: Ứng dụng của CaO**

Em hãy đọc thông tin II trang 8 sgk. Hãy nêu các ứng dụng của CaO?

Cần suy nghĩ xem dựa vào tính chất nào mà CaO lại có các ứng dụng đó

### **Hoạt động 2: Sản xuất CaO**

Đọc thông tin III trang 8 sgk. Trả lời câu hỏi:

Người ta sản xuất CaO từ nguyên liệu nào?

Viết PTPƯ sản xuất CaO qua 2 giai đoạn?

### **Hoạt động 3: Ứng dụng của SO<sub>2</sub>**

Em hãy đọc thông tin II trang 10 sgk. Hãy nêu các ứng dụng của SO<sub>2</sub>?

Cần suy nghĩ xem dựa vào tính chất nào mà SO<sub>2</sub> lại có các ứng dụng đó

### **Hoạt động 5: Điều chế SO<sub>2</sub> như thế nào**

Đọc thông tin IV trang 11 sgk. Trả lời câu hỏi:

Nguyên liệu điều chế SO<sub>2</sub> trong phòng thí nghiệm? Viết PTHH? Cách thu khí SO<sub>2</sub> vào lọ?

Nguyên liệu điều chế SO<sub>2</sub> trong công nghiệp? Viết PTHH?

## **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Câu 1.** Oxit nào tác dụng được với nước?

A. SO<sub>2</sub>.

B. Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.

C. CO.

D. Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.

**Câu 2.** Oxit tác dụng được với nước và tạo thành dung dịch làm quì tím hóa đỏ là

A. P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>.

B. CO.

C. Na<sub>2</sub>O.

D. CuO.

**Câu 3.** Cho hỗn hợp khí SO<sub>2</sub>, NO qua dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> dư khí thoát ra khỏi dung dịch:

A. O<sub>2</sub>.

B. NO.

C. SO<sub>2</sub>.

D. H<sub>2</sub>.

**Câu 4.** Cặp chất nào sau đây chỉ gồm oxit bazơ?

A. K<sub>2</sub>O; SO<sub>3</sub>.

B. CuO; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>.

C. K<sub>2</sub>O; FeO.

D. CO<sub>2</sub>; SO<sub>2</sub>.



## TIẾNG ANH, TUẦN 2, LỚP 9 UNIT 1

### III. READ

18. ASEAN (abbr) : Association of South East Asian Nations: Hiệp hội các nước Đông Nam Á
19. divide (v) : chia ra  
-> division (n) : sự phân chia, phép chia
20. region (n) : khu vực  
-> regional (adj) : thuộc địa phương
21. separate (v) : ngăn cách, tách ra  
-> separate (adj) : riêng biệt, khác nhau  
-> separation (n) : sự ngăn cách, sự tách ra
22. comprise (v) : bao gồm, tạo thành
23. tropical (adj) : thuộc vùng nhiệt đới
24. climate (n) : khí hậu, thời tiết
25. currency (n) : tiền tệ  
unit of currency (n) : đơn vị tiền tệ
26. official (adj) : chính, chủ yếu
27. Islam (n) : đạo Hồi  
-> Islamic (adj) : thuộc về đạo Hồi
28. religion (n) : tôn giáo  
-> religious (adj) : thuộc về tôn giáo
29. Buddhism (n) : đạo Phật  
-> Buddhist (adj) : thuộc về đạo Phật  
-> Buddhist (n) : phật tử
30. Hinduism (n) : đạo Hin-đū
31. instruct (v) : hướng dẫn  
-> instruction (n) : sự hướng dẫn  
-> instructor (n) : người hướng dẫn
32. primary (adj) : chính, quan trọng
33. option (n) : sự chọn lựa  
-> optional (adj)
34. compulsory (adj): bắt buộc, cưỡng-bách  
-> to compel (v): bắt buộc, cưỡng bách  
-> compulsion (n) : sự cưỡng bách

### SOME COMMON PREPOSITIONS

1. include = comprise = be comprised of = consist of = be composed of = be made up of: bao gồm
2. correspond with : trao đổi thư tín với
3. compulsory for : bắt buộc đối với
4. depend on / upon : lệ thuộc vào  
≠ independent of : không lệ thuộc
5. divide into : chia thành
6. famous for : nổi tiếng về
7. for fun : cho vui
8. impolite of sb : bất lịch sự với ai
9. impressed by : gây ấn tượng bởi
10. impression on : có ấn tượng về
11. In addition to : thêm vào đó
12. kind of sb : ai đó tốt bụng  
-> kind to sb : tốt bụng với ai
13. pray for : cầu nguyện cho
14. rich in : giàu có về
15. separate from : chia tách khỏi

### II. EXERCISES

#### I. Use the simple past tense:

1. I (wake) \_\_\_\_\_ up at five minutes past seven this morning.
2. While her husband was in the army, Joyce (write) \_\_\_\_\_ to him twice a week.
3. She (study) \_\_\_\_\_ English for two years, but she doesn't study it now.
4. She (not know) \_\_\_\_\_ much about Marxism-Leninism at that time.
5. When I was a boy, I often (not go) \_\_\_\_\_ fishing with my uncle Jim.
6. They (go) \_\_\_\_\_ home after they had finished their work.
7. He (go) \_\_\_\_\_ abroad last week?
8. My elder brother (join) \_\_\_\_\_ the army when he was seventeen.
9. When I last saw him, he (not be) \_\_\_\_\_ in good health.

10. When I was a boy, every holiday (seem) \_\_\_\_\_ ideal.
11. My brother (serve) \_\_\_\_\_ in the army from 1980 to 1983.
12. Men have traveled since they first (appear) \_\_\_\_\_ on the earth.
13. She was fond of him, but I (not believe) \_\_\_\_\_ that she (love) \_\_\_\_\_ him.
14. Why the old lady (fall) \_\_\_\_\_ as she was getting into the taxi?
15. Jenny (study) \_\_\_\_\_ French for a few months last year.

**II. Fill each gap in the sentences with a suitable word from the box.**

food	currency	religion	education	language
climate	beauty	capital	atmosphere	vacation

1. Australia's \_\_\_\_\_ city is Canberra.
2. \_\_\_\_\_ is the money that is used in a particular country at a particular time.
3. This is an area of outstanding natural \_\_\_\_\_.
4. The \_\_\_\_\_ in the room was so stuffy that I could hardly breathe.
5. When we retire, we're going to move to a warmer \_\_\_\_\_.
6. \_\_\_\_\_ is the belief in and worship of a god or gods.
7. Have you decided where you're going for your \_\_\_\_\_ this year?
8. She does research into how children acquire \_\_\_\_\_.
9. As a child, he received most of his \_\_\_\_\_ at home.
10. There was lots of \_\_\_\_\_ and drink at the party

**III. Choose the most suitable words or phrases to complete the sentences.**

1. They have been pen pals and \_\_\_\_\_ at least once every month.
  - a. speak
  - b. stay
  - c. take
  - d. correspond
2. Last week, I \_\_\_\_\_ my children to the biggest zoo in the town.
  - a. got
  - b. brought
  - c. fetch
  - d. took
3. Can everyone listen carefully to my \_\_\_\_\_, please?
  - a. instructing
  - b. instructive
  - c. instruct
  - d. instructions
4. Mathematics and Literature are \_\_\_\_\_ for children in our country.
  - a. option
  - b. religious
  - c. adding
  - d. compulsory
5. Can you tell me how many chapters this book \_\_\_\_\_?
  - a. consist of
  - b. consists
  - c. comprises of
  - d. includes
6. My mother wishes she \_\_\_\_\_ beautiful and young forever.
  - a. can
  - b. can be
  - c. could
  - d. could be
7. The children were \_\_\_\_\_ their presents on Christmas day.
  - a. pleased with
  - b. pleased about
  - c. happy about
  - d. happy on
8. Every Sunday, they go to the church and pray very \_\_\_\_\_ indeed.
  - a. harder
  - b. hard
  - c. hardly
  - d. a lot
9. All the students are looking forward \_\_\_\_\_ their summer vacation in the countryside.
  - a. to spend
  - b. spend
  - c. to spending
  - d. spending

10. I can't speak English fluently. I wish I speak it fluently.

- a. can                      b. could                      c. couldn't                      d. can't

\* *Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.*

1. a. mosque                      b. optional                      c. notice                      d. tropical  
2. a. divide                      b. impress                      c. official                      d. comprise

**IV. Read the passage carefully, then decide whether the following statements are true (T) or false (F)**

Canada is the world's second largest country. Its population is not very large, however. About 25 million people live in Canada - less than half the population of Britain or France and only one thirtieth of the population of India. Canada is in North America and its capital is Ottawa. It is a rich country with a lot of natural resources. In southern Canada the land is very good for farming and Canada exports a lot of wheat. In the north there are magnificent forests. In the west there are some very high mountains called the Rockies. Canada also has many minerals such as petroleum, gas copper and zinc. Canada was first settled by French pioneers. In the eighteenth century there were wars between Britain and French, and Canada came under British rule. Since 1931 Canada has been an independent member of the British Commonwealth. English and French are both official language in Canada.

1. Canada is a densely populated country.
2. The French were the first settlers in Canada.
3. Both French and English are spoken in Canada.
4. Canada is one of the British colonies.

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**MÔN TIẾNG ANH LỚP 9**  
**TUẦN 3**

**UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL**

**Lesson 4: Read**

**I. Vocabularies:**

1. region (n) vùng, miền  
→ regional (a) thuộc vùng/miền  
→ regionally (adv) vùng, địa phương
2. unit of currency đơn vị tiền tệ
3. populate (v) ở, cư trú  
→ population (n) dân số  
→ populous (a) đông dân cư  
→ populously (adv) đông dân cư  
→ populousness (n) sự đông dân cư
4. Islam (n) đạo Hồi
5. religion (n) tôn giáo  
→ religious (a) thuộc về tôn giáo  
→ religiously (adv) 1 cách sùng đạo  
→ religiosity (n) sự ngoan đạo
6. national language quốc ngữ
7. instruct s.b **to do** s.t(v) chỉ ai làm gì  
→ instruction **in** s.t (n) lời / sự chỉ dẫn  
instructions **on** how to do s.t  
→ instructor (n) người chỉ dẫn  
→ instructive (a) để dạy (truyền kiến thức)  
→ instructively (adv) hướng dẫn
8. area (n) diện tích, khu vực
9. divide s.t **into** (v) chia cái gì thành ...  
→ division (n) sự phân chia  
→ divisible **by** st (a) có thể chia được, chia hết cho
10. separate (v) ngăn cách  
→ separate s.t **from** s.t tách cái gì khỏi cái gì  
→ separate (a) riêng biệt, tách biệt  
→ separation (n) sự chia cắt/ngăn cách  
→ separable (a) có thể chia cắt  
≠ unseparable (a) không thể chia cắt
11. comprise = consist **of** bao gồm, gồm có  
→ be comprised **of** st **and** st được tạo thành từ
12. **continue + V-ing** tiếp tục  
= carry on = keep on = go on
13. tropical climate khí hậu nhiệt đới
14. office (n) văn phòng, trụ sở  
→ officer (n) nhân viên, công chức  
→ official (a) chính thức

→ officially	(adv) chính thức
15. wide	(a) rộng, rộng lớn
→ widen	(v) mở rộng
→ widening	(n) sự mở rộng
→ width	(n) bề rộng
16. primary	(a) chính, chủ yếu
17. compel s.b to do s.t	(v) bắt ai làm gì
≠ opt	(v) chọn, chọn lựa
→ compulsion	(n) sự bắt buộc
≠ option	(n) sự chọn lựa
→ compulsory	(a) bắt buộc
≠ optional	(a) chọn lựa
→ compulsorily	(adv) bắt buộc
≠ optionally	(adv) chọn lựa

## II. Exercises: HS đọc READ (trang 9+10), sau đó làm bài a, b trang 10

### UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL Lesson 5: Write

#### I. Vocabularies:

18. relate	(v) liên hệ, quan hệ
→ relation	(n) sự quan hệ (các quốc gia)
→ relationship	(n) mối liên hệ (nam nữ, gia đình)
→ relative(s)	(n) bà con thân thuộc
19. interest	(n) sự quan tâm, sự thích thú
	(v) quan tâm, thích thú
→ interested	(a) quan tâm, thích thú
→ interesting	(a) làm quan tâm, thú vị
→ interestedly	(adv) đáng quan tâm
→ interestingly	(adv) thật thú vị
20. imagine	(v) tưởng tượng
→ imagination	(n) sự/trí tưởng tượng
→ imaginary	(a) ảo tưởng
→ imaginative	(a) giàu tưởng tượng
21. mention	(v) nói đến, đề cập đến
→ mention st <b>in</b> st	đề cập điều gì trong...
→ mention st <b>to</b> sb	đề cập điều gì với...
→ mention <b>doing</b> st	đề cập đến việc ...
→ mentioned	(a) đã đề cập
22. disappoint	(v) làm thất vọng
→ disappointment	(n) sự thất vọng
→ disappointed	(a) thất vọng, chán nản
= disappointing	(a) gây chán nản
→ disappointedly	(adv) thất vọng, chán nản
= disappointingly	(adv) gây chán nản

#### II. Exercises: HS đọc hướng dẫn WRITE (trang 11) sau đó viết bài dựa theo các câu hỏi gợi ý

*Hãy tưởng tượng rằng bạn đang đi thăm người thân hay bạn bè ở một vùng khác của Việt Nam hoặc ở một quốc gia khác. Sau đó bạn hãy viết một bức thư gửi cho gia đình theo dàn ý sau:)*

*Đây là bài mẫu, em hãy thay đổi ý để viết bài.*

Dear Mom and Dad,

I arrived in Nha Trang in the afternoon at about 4 o'clock. Aunt Hoa met me at the airport.

During 2 days there I have done many interesting things. On the first day, I went to enjoy mud bath with aunt's family and enjoyed sea food at a restaurant. On the second day, I went on a canoe to Cu Lao Cham island and spent an exciting day swimming and playing water games. The beach is so beautiful with clean blue water and white sand. Tomorrow, we are going to Tri Nguyen Aquarium to see underwater life there. I will see colorful fishes, turtles, crabs, and so on. I've also met a lot of friendly and helpful people. The food there is really fresh and delicious. I've bought some souvenirs for you and my friends.

I feel really fascinated and hope to come back soon. I am especially interested in sea food and beautiful sights there.

I will come home on Monday morning, the flight is going to land at about 11 o'clock.

Could you please pick me up at Noi Bai airport?

By the way, aunt's family asked me to give you their regards.

Stop for now. See you on Monday.

Your daughter,

## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

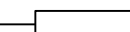

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b>Chủ đề 1 : MỐI LIÊN HỆ GIỮA CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN VÀ HIỆU ĐIỆN THẾ Ở HAI ĐẦU DÂY DẪN</b>
Khối lớp	Khối lớp 9
Hoạt động 1: <i>Học sinh ghi bài</i>	<p><b><u>I. THÍ NGHIỆM VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN VÀ HIỆU ĐIỆN THẾ Ở HAI ĐẦU DÂY DẪN :</u></b></p> <p>Kết luận : Cường độ dòng điện chạy qua một dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn đó.</p> <p><b><u>II. ĐỒ THỊ BIỂU DIỄN SỰ THAY ĐỔI CỦA CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN THEO HIỆU ĐIỆN THẾ :</u></b></p> <p>Kết luận : Đồ thị biểu diễn sự thay đổi của cường độ dòng điện theo hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn là một đường thẳng đi qua góc tọa độ ( U = 0, I = 0 ).</p> <p><b><u>III. VẬN DỤNG :</u></b></p> <p><b>Hoạt động 3 :</b></p> <p><b><u>Cách 1 :</u></b></p> <p>Hình 1.3 nếu <math>U = 1,5V</math> thì <math>I = 0,1A</math>. Ta áp dụng <math>U = a.I</math> ( 1 )</p> <p style="padding-left: 40px;">Thế vào U,I vào ( 1 ) ta được <math>1,5 = a.0,1</math></p> <p>Suy ra <math>a = 1,5/0,1 = 15</math></p> <p>Vậy khi <math>U = 1,8V</math> thế vào ( 1 ) ta được <math>1,8 = 15.I</math></p> <p>Suy ra <math>I = 1,8/15 = 0,12A</math></p> <p><b><u>Cách 2 :</u></b></p> <p>Khi <math>U = 1,5V</math> thì <math>I = 0,1A</math></p> <p>Khi <math>U' = 1,8V</math> thì <math>I' = ?A</math></p> <p>Ta được <math>I' = U'.I/U = 1,8.0,1/1,5 = 0,12A</math></p>

	<b>Hoạt động 4 :</b> Học sinh hoàn thành các ô còn trống						
	Bảng 1						
	U ( V )	0	1,0		3,5		6,0
	I ( A )	0		0,75	1,05	1,50	
<b>Hoạt động 2: Học sinh làm bài</b>	- Học bài và làm bài tập trong SBT bài 1.4 trang 4.						
<b>Hoạt động 3 : Dặn dò</b>	- Các em có hỏi thì điện thoại cô, số điện thoại 0978250580 hoặc gửi câu hỏi qua mail cô là <a href="mailto:kimhabt@gmail.com">kimhabt@gmail.com</a>						

## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Tên bài học/ chủ đề:</b>	<b><u>Chủ đề 2 : ĐIỆN TRỞ CỦA DÂY DẪN – ĐỊNH LUẬT ÔM</u></b>
<b>Khối lớp</b>	<b>Khối lớp 9</b>
<b>Hoạt động 1: Học sinh ghi bài</b>	<p><b><u>I. ĐIỆN TRỞ CỦA DÂY DẪN :</u></b></p> <p>Kết luận :</p> <p>Điện trở của một dây dẫn được xác định bằng công thức <math>R = U/I</math></p> <p>Khi U có đơn vị là vôn ( V ), I có đơn vị là ampe ( A ) thì R có đơn vị là ôm, kí hiệu ( <math>\Omega</math> ).</p> <p>Các bội số thường dùng của ôm là :</p> <p>Kilôm ( <math>k\Omega</math> ) : <math>1 k\Omega = 1.000\Omega</math></p>

Megaôm (  $M\Omega$  )  $1M\Omega = 1.000.000\Omega$

Kí hiệu của điện trở trong sơ đồ mạch điện là  hoặc 

Điện trở biểu thị mức độ cản trở dòng điện nhiều hay ít của một dây dẫn.

Thông thường khi nhiệt độ thay đổi, điện trở của một dây dẫn có giá trị không đổi.

## **II. ĐỊNH LUẬT OHM ( ÔM ) :**

1. Phát biểu định luật :

Cường độ dòng điện I chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế U đặt vào hai đầu dây và tỉ lệ nghịch với điện trở R của dây.

2. Công thức :

$$I = U/R$$

Trong đó :

I là cường độ dòng điện (A)

U là hiệu điện thế ( U )

R là điện trở ( $\Omega$ )

## **III. VẬN DỤNG :**

Hoạt động 4 :

Tóm tắt :

Giải

$$U = 9V$$

Điện trở của đèn

$$I = 0,5A$$

$$R = U/I = 9/0,5 = 18 \Omega$$

$$R = ? \Omega$$

**Hoạt động 2:**  
*Học sinh làm bài*

- Học bài và làm bài tập bài 3 trang 16, SBT bài 2.2 trang 6.

Kết quả hoạt động 4 chủ đề 1

Bảng 1

U ( V )	0	1,0	2,5	3,5	5,0	6,0
I ( A )	0	0,3	0,75	1,05	1,50	1,8

<b>Hoạt động 3 : Dặn dò</b>	- Các em có hỏi thì điện thoại cô, số điện thoại 0978250580 hoặc gửi câu hỏi qua mail cô là <a href="mailto:kimhabt@gmail.com">kimhabt@gmail.com</a>

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Tên bài học/ chủ đề:</b>	<b><u>Chủ đề 3 : ĐOẠN MẠCH NỐI TIẾP – ĐOẠN MẠCH SONG SONG</u></b>
<b>Khối lớp</b>	<b>Khối lớp 9</b>
<b>Hoạt động 1: Học sinh ghi bài</b>	<p><b><u>I. ĐOẠN MẠCH GỒM CÁC ĐIỆN TRỞ MẮC NỐI TIẾP :</u></b></p> <p><b><u>1. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế trong đoạn mạch mắc nối tiếp :</u></b></p> <p>- Cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch bằng cường độ dòng điện chạy qua từng điện trở : <math>I = I_1 = I_2</math>.</p> <p>- Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng các hiệu điện thế trên mỗi điện trở : <math>U = U_1 + U_2</math>.</p> <p>Em hãy chứng minh : <math>U_1/U_2 = R_1/R_2</math></p> <p style="text-align: center;">Ta có <math>I_1 = U_1/R_1</math> , <math>I_2 = U_2/R_2</math></p>

Mà  $R_1$  nối tiếp  $R_2$  nên  $I_1 = I_2$

$$U_1/R_1 = U_2/R_2$$

$$\text{Suy ra } U_1/U_2 = R_1/R_2$$

### **2. Điện trở tương đương của đoạn mạch nối tiếp :**

Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm điện trở  $R_1$  nối tiếp điện trở  $R_2$  là  $R = R_1 + R_2$

### **3. Áp dụng :**

Cho điện trở  $R_1 = 5\Omega$ ,  $R_2 = 10\Omega$  được mắc nối tiếp nhau vào hiệu điện thế 12V.

a) Tính điện trở tương đương của đoạn mạch.

b) Tính hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở.

Tóm tắt :

Giải

$$R_1 = 5\Omega$$

a) Điện trở tương đương đoạn mạch

$$R_2 = 10\Omega$$

$$R = R_1 + R_2 = 5 + 10 = 15\Omega$$

b) Cường độ dòng điện đoạn mạch

$$U = 12V$$

$$I = U/R = 12/15 = 0,8A$$

$$\text{a) } R = ?\Omega$$

Vì mạch nối tiếp nên  $I = I_1 = I_2 = 0,8A$

$$\text{b) } U_1 = ?V$$

Hiệu điện thế 2 đầu  $R_1$

$$U_2 = ?V$$

$$U_1 = I_1 \cdot R_1 = 0,8 \cdot 5 = 4V$$

$$U_3 = ?V$$

Hiệu điện thế 2 đầu  $R_2$

$$U_2 = I_2 \cdot R_2 = 0,8 \cdot 10 = 8V$$

### **Hoạt động 2: Học sinh làm bài**

- Bài này 2 tiết, tiết sau học tiếp các em đừng gạch ngang.
- Học bài và làm bài tập 6 trang 25, SBT bài 4.1 trang 10.

### **Hoạt động 3 : Dặn dò**

- Các em có hỏi thì điện thoại cô, số điện thoại 0978250580 hoặc gửi câu hỏi qua mail cô là [kimhabt@gmail.com](mailto:kimhabt@gmail.com)

## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b><u>Chủ đề 3 : ĐOẠN MẠCH NỐI TIẾP – ĐOẠN MẠCH SONG SONG</u></b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 9</b>
Hoạt động 1: <i>Học sinh ghi bài</i>	<p><b><u>II. ĐOẠN MẠCH GỒM CÁC ĐIỆN TRỞ MẮC SONG SONG :</u></b></p> <p><b><u>1. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế trong đoạn mạch mắc song song :</u></b></p> <p>- Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính bằng tổng các cường độ dòng điện chạy qua các mạch nhánh : <math>I = I_1 + I_2</math>.</p> <p>- Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch song song bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi mạch nhánh : <math>U = U_1 = U_2</math>.</p> <p>Em hãy chứng minh : <math>I_1/I_2 = R_2/R_1</math></p> <p style="text-align: center;">Ta có <math>U = I.R</math>, <math>U_1 = I_1.R_1</math>, <math>U_2 = I_2.R_2</math></p> <p style="text-align: center;">Vì <math>R_1</math> mắc song song <math>R_2</math></p> <p style="text-align: center;">nên <math>U_1 = U_2</math></p> <p style="text-align: center;"><math>I_1.R_1 = I_2.R_2</math></p> <p style="text-align: center;">Suy ra <math>I_1/I_2 = R_2/R_1</math></p> <p><b><u>2. Điện trở tương đương đoạn mạch song song :</u></b></p> <p>Công thức tính điện trở tương đương đoạn mạch gồm điện trở <math>R_1</math> song song điện trở <math>R_2</math> là <math>1/R = 1/R_1 + 1/R_2</math></p> <p><b><u>3. Áp dụng :</u></b></p> <p>Cho điện trở <math>R_1 = 10\Omega</math>, <math>R_2 = 15\Omega</math> được mắc song song với nhau vào hiệu điện thế 12V.</p> <p>a) Tính điện trở tương đương của đoạn mạch.</p> <p>b) Tính cường độ dòng điện chạy qua mạch chính và qua từng mạch rẽ.</p>

	<p>Tóm tắt : <span style="float: right;">Giải</span></p> <p><math>R_1 = 10 \Omega</math>                      a) Điện trở tương đương của đoạn mạch</p> <p><math>R_2 = 15 \Omega</math>                      <math>1/R = 1/R_1 + 1/R_2 = 1/10 + 1/15 = 5/30</math></p> <p>    Suy ra <math>R = 30/5 = 6 \Omega</math></p> <p><math>U = 12V</math></p> <p>a) <math>R = ? \Omega</math>                      b) Cường độ dòng điện qua mạch chính</p> <p>b) <math>I = ? A</math>                      <math>I = U/R = 12/6 = 2A</math></p> <p><math>I_1 = ? A</math>                      Vì <math>R_1</math> song song <math>R_2</math> nên <math>U_1 = U_2 = U = 12V</math></p> <p><math>I_2 = ? A</math>                      Cường độ dòng điện qua <math>R_1</math></p> <p>    <math>I_1 = U_1/R_1 = 12/10 = 1,2A</math></p> <p>    Cường độ dòng điện qua <math>R_2</math></p> <p>    <math>I_2 = U_2/R_2 = 12/15 = 0,8A.</math></p>
<p><b>Hoạt động 2: Học sinh làm bài</b></p>	<p>- Học bài, làm bài tập 7 trang 25, SBT bài 5.1 trang 13.</p>
<p><b>Hoạt động 3 : Dặn dò</b></p>	<p>- Các em có hỏi thì điện thoại cô, số điện thoại 0978250580 hoặc gửi câu hỏi qua mail cô là <a href="mailto:kimhabt@gmail.com">kimhabt@gmail.com</a></p>

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**Môn: Lịch sử 9 – Tuần 2**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**Phần một: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI**  
**(TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY)**

**Chủ đề 1: NƯỚC ANH VÀ LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU**  
**TỪ 1918 ĐẾN NAY (tiết 2)**

**3. Liên Xô và các nước Đông Âu từ những năm 70-1991.**

**a. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu**

- Trên đường truy kích phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô phối hợp với nhân dân Đông Âu khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập các nước dân chủ nhân dân.
- Hoàn thành những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân: xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân,...

**b. Liên Xô từ giữa những năm 70-1991**

\* **Nguyên nhân:** Sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nền kinh tế xã hội của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ, không ổn định và lâm dần vào khủng hoảng: Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không tăng, đời sống nhân dân khó khăn, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu ngày càng khan hiếm, tệ nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng...

\* **Quá trình khủng hoảng:**

- Tháng 3 1985, Gorbaciov đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
- Do thiếu chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược đúng đắn, công cuộc cải tổ nhanh chóng lâm vào tình trạng bị động, khó khăn và bế tắc. Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn: bãi công, nhiều nước cộng hoà đòi li khai, tệ nạn xã hội gia tăng,...

\* **Hậu quả:** Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt. Ngày 21 - 12 - 1991, 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là SNG). Tối 25 - 12 - 1991, Gorbaciov tuyên bố từ chức

Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

**\* Nguyên nhân tan rã chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.**

- Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ đời sống nhân dân không được cải thiện, tình trạng thiếu dân chủ, thiếu công bằng trong xã hội.

- Không bắt kịp bước phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến.

- Khi tiến hành cải tổ phạm sai lầm trên nhiều mặt làm cho khủng hoảng trầm trọng hơn.

- Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

**B. DỰA VÀO NỘI DUNG BÀI HỌC TRÊN, EM HÃY TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU:**

**1. Nêu nguyên nhân tan rã chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Em có nhận xét gì về sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu?**

**2. Em hãy chọn đáp án đúng:**

**Câu 1. Các nước Đông Âu giành độc lập trong hoàn cảnh nào?**

A. Chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ.

B. Nhân cơ hội Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức qua Đông Âu.

C. Quân Đức thất bại tại Châu Á.

D. Liên Xô bị phát xít Đức tấn công.

**Câu 2. Đâu không phải là nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu?**

A. Ban hành các quyền tự do dân chủ.

B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

C. Quốc hữu hóa các xí nghiệp lớn của tư bản.

D. Đi xâm lược nhiều nước thuộc địa.

**Câu 4. Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX vì:**

A. đất nước lâm vào tình trạng “trì trệ” khủng hoảng.

B. đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Tây Âu và Mỹ.

C. cải tổ để sớm áp dụng thành tựu KH-KT thế giới.

D. các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước luôn chống phá.

**Câu 5. Sự kiện nào là mốc đánh dấu chế độ XHCN ở Liên Xô sụp đổ?**

- A. Cuộc đảo chính lật đổ Goooc-ba-chôp.
- B. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.
- C. Cộng đồng các quốc gia độc lập ra đời.
- D. Lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống.

**Câu 6. Công cuộc xây dựng XHCN của các nước Đông Âu đã mắc phải một số thiếu sót và sai lầm là:**

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. Tập thể hóa nông nghiệp.
- C. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.
- D. Rập khuôn, cứng nhắc theo Liên Xô.

**Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ và tên học sinh:

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
Sử		1. 2.

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**Môn: Lịch sử 9 – Tuần 3**

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**Phần một: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI**  
**(TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY)**

**Chủ đề 1: NƯỚC NGA VÀ LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU**  
**TỪ 1918 ĐẾN NAY (tiết 3)**

**4. Liên Bang Nga từ 1991 - 2000**

- Sau khi Liên Xô tan rã, Liên Bang Nga là quốc gia kế tục Liên Xô, trải qua nhiều biến động trong thập niên 90.

+ Về kinh tế: Từ năm 1990-1995 kinh tế bị suy thoái đến năm 1996 kinh tế được phục hồi và phát triển.

+ Về chính trị: Liên Bang Nga theo thể chế Tổng thống liên bang, đầu thập niên 90 chính trị không ổn định.

+ Về đối ngoại: thực hiện chính sách thân Phương Tây nhưng không mang lại kết quả. Sau đó đẩy mạnh mối quan hệ với các nước Châu Á.

- Hiện nay Nga là cường quốc kinh tế và có vị trí được đề cao trên trường quốc tế.

Năm 2002, Thủ tướng Nga Kasianốp thăm Việt Nam, là minh chứng nổi bật cho tầm cao của mối quan hệ đối tác chiến lược giữa 2 nước. Các thoả thuận đạt được đã mở ra những cơ hội mới cho việc đẩy mạnh và mở rộng quy mô phối hợp hành động song phương, như việc kí kết các hiệp định liên chính phủ về việc cấp khoản tín dụng nhà nước để xây dựng các nhà máy thủy điện tại Việt Nam, về việc hợp tác trong lĩnh vực sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hoà bình, về việc hợp tác giữa hai bộ y tế của hai nước v.v..

**B. HỌC SINH ĐỌC NỘI DUNG TRÊN VÀ HÃY TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU:**

1. Tìm hiểu các thời kì tổng thống của Liên Bang Nga.

2. Nêu những nét chính về Liên bang Nga từ 1991-2000. Vị trí của Liên Bang Nga trên trường quốc tế hiện nay?

3. Em hãy viết bài luận khoảng 100 từ về sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

**Câu 1. Sau khi Liên Xô tan rã, quốc gia nào là “quốc gia kế tục Liên Xô”?**

- A. Liên bang Nga.
- B. Nga Xô viết.
- C. Litva.
- D. Ucraina.

**Câu 2. Tổng thống đầu tiên của Liên bang Nga là ai ?**

- A. M. Goócbachốp.
- B. B. Enxin.
- C. V. Putin.
- D. D Medvêdev.

**Câu 3. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình kinh tế Liên bang Nga giai đoạn 1990 – 1995?**

- A. Tăng trưởng âm.
- B. Tăng trưởng nhanh chóng.
- C. Phát triển xen kẽ khủng hoảng.
- D. Tăng trưởng chậm.

**Câu 4. Một trong những đường lối đối ngoại của Liên bang Nga trong thập niên 90 của thế kỉ XX là**

- A. đối đầu quyết liệt với Mỹ.
- B. vươn lên nắm quyền chi phối thế giới.
- C. cố gắng duy trì địa vị của một cường quốc xã hội chủ nghĩa.
- D. khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á.

**Câu 5. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là:**

- A. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- B. tập trung cải cách chính trị.
- C. thừa nhận chế độ đa nguyên đa đảng.
- D. duy trì nền kinh tế bao cấp.

**Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ và tên học sinh:

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
Sử		1. 2.

*Trường THCS Trần Quốc Tuấn*

*Họ và tên học sinh:.....*

*Lớp:.....*

## **PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 2**

### **MÔN SINH HỌC 9**

#### **PHẦN 1: SỬA BÀI TẬP**

##### **BÀI 1**

**Câu 1: Trình bày đối tượng, nội dung của Di truyền học.**

- Đối tượng của Di truyền học là: các hiện tượng di truyền và biến dị.
- Nội dung nghiên cứu: cơ sở vật chất, cơ chế, tính quy luật của hiện tượng di truyền và biến dị.

**Câu 2: Ý nghĩa thực tiễn của di truyền học là: B**

**Câu 3: Tính trạng là: A**

**Câu 4: Hãy lấy ví dụ về các tính trạng ở người để minh họa cho khái niệm "cặp tính trạng tương phản"**

- Các cặp tính trạng tương phản ở người:

Tính trạng màu da: da trắng - da đen

Tính trạng màu mắt: mắt đen - mắt xanh

Tính trạng hình dạng mũi: mũi cao - mũi thấp

Tính trạng chiều cao: Cao - thấp

##### **BÀI 2**

**Câu 1: Nêu khái niệm về kiểu hình và cho ví dụ minh họa.**

- Kiểu hình là tập hợp toàn bộ tính trạng trong một cơ thể.
- VD: Ở đậu Hà Lan khi xét đến một tính trạng thì kiểu hình là: hạt nhăn, hạt trơn, thân thấp, thân cao, hoa đỏ, hoa trắng,....

**Câu 2: Thế nào là lai một cặp tính trạng: C**

**Câu 3: Trên cơ sở phép lai một cặp tính trạng, Mendel đã phát hiện ra: A**

**Câu 4: Khi lai hai cơ thể mẹ thuần chủng khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì: C**

**Câu 5: Tại sao Mendel lại chọn các cặp tính trạng tương phản để thực hiện phép lai: A**

#### **PHẦN 2: TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

**CHỦ ĐỀ: LAI MỘT CẶP TÍNH TRẠNG (tiếp theo)**

##### **3. Lai phân tích:**

- Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn. Nếu kết quả của phép lai là đồng tính thì cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen đồng hợp (hay thuần chủng). Nếu kết quả của phép lai là phân tính thì cá thể đó có kiểu gen dị hợp (hay không thuần chủng).

- Sơ đồ lai:

P: AA x aa

G: A a

F1: Aa

P: Aa x aa

G: A,a a

F1: 1Aa: 1aa

#### **4. Ý nghĩa của tương quan trội - lặn**

- Tương quan trội lặn khá phổ biến trên cơ thể sinh vật.
- Thông thường các tính trạng trội là các tính trạng tốt, các tính trạng lặn là các tính trạng xấu.
- Trong sản xuất, người ta phải chọn vật nuôi, cây trồng thuần chủng để làm giống.

#### **HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP LAI 1 CẶP TÍNH TRẠNG THEO CHIỀU THUẬN**

- Đặc điểm của bài: Là dạng bài toán đã biết tính trội, tính lặn, kiểu hình của P. Từ đó xác định kiểu gen, kiểu hình của F và lập sơ đồ lai.

- Các bước biện luận:

+ Bước 1: Dựa vào đề bài, qui ước gen trội, gen lặn (nếu có).

+ Bước 2: Từ kiểu hình của P => xác định kiểu gen của P.

+ Bước 3: Viết sơ đồ lai, xác định kiểu gen, kiểu hình ở đời F.

**Bài mẫu: Ở lúa tính cao trạng thân cao là trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp. Cho cây lúa thân cao lai với cây lúa thân thấp, F1 có tỉ lệ kiểu gen và kiểu hình như thế nào ?**

#### **Giải**

- Quy ước: A - thân cao

a - thân thấp

- Cây lúa thân cao kiểu hình trội kiểu gen là AA hoặc Aa

- Cây lúa thân thấp kiểu hình lặn có kiểu gen là aa

- Sơ đồ lai:

- Trường hợp 1 P: AA ( thân cao ) X aa ( Thân thấp )

Gp A a

F1 Aa ( 100% thân cao)

- Tỉ lệ kiểu gen : 100% Aa

- Tỉ lệ kiểu hình: 100% thân cao

- Trường hợp 2 P : Aa ( Thân cao ) x aa ( Thân thấp )

Gp A , a a

F1 Aa , aa

Thân cao Thân thấp

- Tỉ lệ kiểu gen: 1Aa : 1 aa

- Tỉ lệ kiểu hình : 1 thân cao : 1 thân thấp

#### **PHẦN 3: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

##### **Bài tập 1:**

Ở một loài động vật, lông đen trội hoàn toàn so với lông trắng. Khi cho con đực lông đen giao phối với con cái lông trắng thì kết quả phép lai đó sẽ như thế nào.

**Bài tập 2**

Ở đậu, tính trạng thân cao trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp.

a. Hãy lập qui ước gen và viết các kiểu gen có thể có cho mỗi kiểu hình ở cặp tính trạng về chiều cao cây.

b. Hãy lập sơ đồ lai cho mỗi phép lai dưới đây:

- Bố thân cao, mẹ thân thấp.

- Bố mẹ đều có thân cao.

**CÁC VẤN ĐỀ THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**

*(Học sinh viết ra những câu hỏi thắc mắc cần giáo viên giải đáp)*

.....

.....

.....

.....

*Trường THCS Trần Quốc Tuấn*

*Họ và tên học sinh:*

*Lớp:*

## **PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 3**

### **MÔN SINH HỌC 9**

#### **PHẦN 1: SỬA BÀI TẬP**

##### **Bài tập 1:**

Ở một loài động vật, lông đen trội hoàn toàn so với lông trắng. Khi cho con đực lông đen giao phối với con cái lông trắng thì kết quả phép lai đó sẽ như thế nào.

Giải

+ Quy ước gen: a lông trắng.

+ Cá thể đực lông đen có kiểu gen là: AA hoặc Aa.

+ Cá thể cái lông trắng có kiểu gen là: aa.

+ Sơ đồ lai P.

(1) P AA (lông đen) x aa lông trắng

G A a

F1 Aa – 100% lông đen

(2) P Aa (lông đen) x aa (lông trắng)

G 1A : 1a a

F1 1Aa (lông đen) ; 1aa (lông trắng)

##### **Bài tập 2**

Ở đậu, tính trạng thân cao trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp.

a. Hãy lập qui ước gen và viết các kiểu gen có thể có cho mỗi kiểu hình ở cặp tính trạng về chiều cao cây.

b. Hãy lập sơ đồ lai cho mỗi phép lai dưới đây:

- Bố thân cao, mẹ thân thấp.

- Bố mẹ đều có thân cao.

Giải

a. Qui ước gen và kiểu gen.

Theo đề bài, qui ước gen.

- Gọi A qui định thân cao; a qui định thân thấp.

- Kiểu gen biểu hiện kiểu hình thân cao là: AA và Aa.

- Kiểu gen biểu hiện kiểu hình thân thấp là: aa.

b. Sơ đồ cho mỗi phép lai.

\* **Phép lai 1:**

P : Bố thân cao x mẹ thân thấp

- Bố thân cao mang kiểu gen AA hoặc Aa.

- Mẹ thân thấp mang kiểu gen aa.

Vậy có 2 sơ đồ lai có thể xảy ra là:

- (1) P Bố AA (thân cao) x mẹ aa (thân thấp).  
 G A a  
 F<sub>1</sub> Aa – 100% (thân cao)
- (2) P Bố Aa (thân cao) x mẹ aa (thân thấp)  
 G A; a a  
 F<sub>1</sub> 1 Aa (thân cao) ; 1aa (thân thấp)

**\* Phép lai 2:**

Bố và mẹ đều có thân cao mang kiểu gen AA hoặc Aa. Vậy có thể có các sơ đồ lai sau:

- P AA x AA; P AA x Aa; P Aa x Aa
- (1) P AA (thân cao) x AA (thân cao)  
 GT A A  
 F<sub>1</sub> AA – 100% thân cao
- (2) P AA (thân cao) x Aa (thân cao); KH : 100% thân cao  
 GT A 1A ; 1a  
 F<sub>1</sub> 1AA (thân cao) ; 1Aa (thân cao)  
 Kiểu hình: 100% thân cao
- (3) P Aa (thân cao) x Aa (thân cao)  
 GT 1A;1a 1A;1a  
 F<sub>1</sub> 1AA : 2 Aa : 1aa  
 Kiểu hình 3 thân cao : 1 thân thấp

**PHẦN 2: TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM  
 CHỦ ĐỀ LAI 2 CẶP TÍNH TRẠNG (2 tiết)**

**1. Thí nghiệm của Mendel**

- Đối tượng: Đậu Hà Lan
- Thí nghiệm:
  - Cho lai 2 bố mẹ thuần chủng về hai cặp tính trạng tương phản.

=> F<sub>1</sub> đồng loạt biểu hiện tính trạng trội của cả 2 cặp.

=> F<sub>2</sub> phân li theo tỉ lệ 9 : 3 : 3 : 1

- Kết quả thí nghiệm: Khi cho lai hai bố mẹ khác nhau về hai cặp tính trạng thuần chủng tương phản di truyền độc lập với nhau, thì F<sub>2</sub> có tỉ lệ kiểu hình bằng tích tỉ lệ các tính trạng hợp thành nó.

**2. Biến dị tổ hợp**

- Sự phân li độc lập của các cặp tính trạng dẫn tới sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất hiện các kiểu hình khác P. Kiểu hình đó gọi là biến dị tổ hợp.

**3. Mendel giải thích kết quả thí nghiệm**

- Mỗi cặp tính trạng do một cặp nhân tố di truyền quy định.
  - A: hạt vàng
  - a: hạt xanh
  - B: vỏ trơn

o b: vỏ nhăn

- Các cặp nhân tố di truyền phân li độc lập với nhau trong quá trình phát sinh giao tử và tổ hợp tự do trong quá trình thụ tinh.
- Sơ đồ lai:

P (t/c):            AABB    x    aabb

G:                    AB            ab

F1:                    AaBb (100% vàng, trơn)

F1 x F1: AaBb                    x            AaBb

G:    AB, Ab, aB, ab                    AB, Ab, aB, ab

F2:

	AB	Ab	aB	ab
AB	AABB	AABb	AaBB	AaBb
Ab	AABb	AAbb	AaBb	Aabb
aB	AaBB	AaBb	aaBB	aaBb
ab	AaBb	Aabb	aaBb	aabb

=> Tỷ lệ KG -KH:

9 A - B - : 9 vàng, trơn

3 A - bb: 3 vàng, nhăn

3 aaB - : 3 xanh, trơn

1 aabb: 1 xanh, nhăn

#### 4. Ý nghĩa của quy luật phân li độc lập

- Sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp nhân tố di truyền (cặp gen) giúp tạo ra nhiều kiểu gen, kiểu hình ở đời con cháu.

=> Xuất hiện biến dị tổ hợp phong phú ở những loài sinh vật giao phối.

=> Cung cấp nguyên liệu quan trọng cho chọn giống và tiến hóa.

### PHẦN 3: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

**Câu 1:** Biến dị tổ hợp là gì? Nó được xuất hiện trong hình thức sinh sản nào?

**Câu 2:** Nêu nội dung của quy luật phân li độc lập.

### CÁC VẤN ĐỀ THẮC MẮC CỦA HỌC SINH

(Học sinh viết ra những câu hỏi thắc mắc cần giáo viên giải đáp)

.....

.....

.....

.....

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
TRẦN QUỐC TUẤN

**PHIẾU HỌC TẬP MÔN TOÁN 9**  
**TUẦN 2, 3 (TỪ 13/9 đến 25/9/2021)**

**A. NỘI DUNG**

**ĐẠI SỐ**

**LIÊN HỆ GIỮA PHÉP NHÂN VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG**

**1. Định lý:**

Với 2 số a và b không âm

$$\boxed{\sqrt{a \cdot b} = \sqrt{a} \cdot \sqrt{b}}$$

$$\sqrt{16 \cdot 25} = \sqrt{400} = 20$$

Ta có  $\sqrt{16} \cdot \sqrt{25} = 4 \cdot 5 = 20$

$$\Rightarrow \sqrt{16 \cdot 25} = \sqrt{16} \cdot \sqrt{25}$$

**2. Áp dụng:**

**a) Quy tắc khai phương một tích:**

với  $A; B > 0$  ta có:  $\sqrt{A \cdot B} = \sqrt{A} \cdot \sqrt{B}$

*Ví dụ 1:* Tính:

$$\begin{aligned} \text{a. } \sqrt{0,16 \cdot 0,64 \cdot 225} &= \sqrt{0,16} \cdot \sqrt{0,64} \cdot \sqrt{225} \\ &= 0,4 \cdot 0,8 \cdot 15 = 4,8 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b. } \sqrt{250 \cdot 360} &= \sqrt{25 \cdot 36 \cdot 100} \\ &= \sqrt{25} \cdot \sqrt{36} \cdot \sqrt{100} = 5 \cdot 6 \cdot 10 = 300 \end{aligned}$$

**b) Quy tắc nhân các căn bậc hai:**

*Ví dụ 2:* Tính

$$\text{a. } \sqrt{3} \cdot \sqrt{75} = \sqrt{3 \cdot 75} = \sqrt{225} = 15$$

$$\begin{aligned} \text{b. } \sqrt{20} \cdot \sqrt{72} \cdot \sqrt{4,9} &= \sqrt{20 \cdot 72 \cdot 4,9} = \sqrt{4 \cdot 36 \cdot 49} \\ &= 2 \cdot 6 \cdot 7 = 84 \end{aligned}$$

*Chú ý:*

$$1. A, B \geq 0 \Rightarrow \sqrt{A \cdot B} = \sqrt{A} \cdot \sqrt{B}$$

$$2. A \geq 0 \Rightarrow (\sqrt{A})^2 = \sqrt{A^2} = A$$

Ví dụ 3: Rút gọn:

a. Với  $a \geq 0$  ta có:

$$\begin{aligned}\sqrt{3a} \cdot \sqrt{27a} &= \sqrt{3a \cdot 27a} \\ &= \sqrt{(9a)^2} = |9a| = 9a \quad (\text{vì } a \geq 0)\end{aligned}$$

b.  $\sqrt{9a^2b^4} = \sqrt{9} \cdot \sqrt{a^2} \cdot \sqrt{b^4} = 3|a|b^2$

## LIÊN HỆ GIỮA PHÉP CHIA VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG

### 1. Định lí

$$\boxed{\text{Với } a \geq 0, b > 0 \Rightarrow \sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}}$$

Ví dụ :  $\sqrt{\frac{16}{25}} = \frac{\sqrt{16}}{\sqrt{25}}$

### 2. Áp dụng :

a. Quy tắc khai phương một thương:

Ví dụ 1: Tính

a.  $\sqrt{\frac{225}{256}} = \frac{\sqrt{225}}{\sqrt{256}} = \frac{15}{16}$  ;

b.  $\sqrt{0,0196} = \sqrt{\frac{196}{10000}} = \frac{\sqrt{196}}{\sqrt{10000}} = \frac{14}{100} = 0,14$

b. Quy tắc chia 2 căn bậc hai:

Ví dụ 2 : Tính

a.  $\frac{\sqrt{999}}{\sqrt{111}} = \sqrt{\frac{999}{111}} = \sqrt{9} = 3$

b.  $\frac{\sqrt{52}}{\sqrt{117}} = \sqrt{\frac{52}{117}} = \sqrt{\frac{13 \cdot 4}{13 \cdot 9}} = \sqrt{\frac{4}{9}} = \frac{\sqrt{4}}{\sqrt{9}} = \frac{2}{3}$

\* Chú ý:  $\boxed{\text{Với } A \geq 0, B > 0 \Rightarrow \sqrt{\frac{A}{B}} = \frac{\sqrt{A}}{\sqrt{B}}}$

Ví dụ 3: Rút gọn

a.  $\sqrt{\frac{2a^2b^4}{50}} = \sqrt{\frac{a^2b^4}{25}} = \frac{\sqrt{a^2b^4}}{\sqrt{25}}$

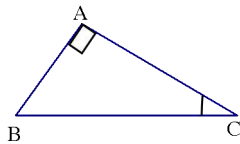
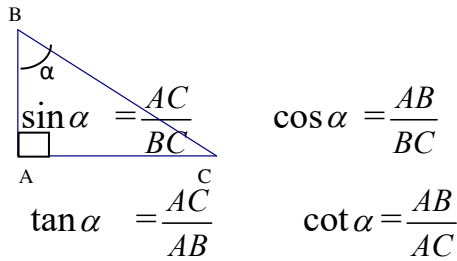
$$= \frac{\sqrt{a^2} \sqrt{b^4}}{\sqrt{25}} = \frac{|a| |b^2|}{5}$$

b. Với  $a \geq 0$  ta có  $\frac{\sqrt{2ab^2}}{\sqrt{162}} = \sqrt{\frac{2ab^2}{162}} = \sqrt{\frac{ab^2}{81}} = \frac{\sqrt{ab^2}}{\sqrt{81}} = \frac{\sqrt{a} \sqrt{b^2}}{\sqrt{81}} = \frac{|b| \sqrt{a}}{9}$

## HÌNH HỌC

### TỈ SỐ LƯỢNG GIÁC CỦA GÓC NHỌN

#### Định nghĩa:



$$\sin \beta = \frac{AB}{BC} \quad \cos \beta = \frac{AC}{BC}$$

$$\tan \beta = \frac{AB}{AC}$$

$$\cot \beta = \frac{AC}{AB}$$

### B. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Học thuộc các định nghĩa, định lí (kết hợp với SGK hoặc Tài liệu Dạy và Học Toán 9 tập 1).

- Coi và làm lại các ví dụ

- Làm các bài tập 11,12,13,22, 24, 26, 32, 33 SGK

Hướng dẫn một số câu (các câu còn lại hs tự làm)

**Bài 11/sgk.** Tính:

a.  $\sqrt{16} \cdot \sqrt{25} + \sqrt{196} : \sqrt{49} = 4 \cdot 5 + 14 : 7 = 22$

b.  $36 : \sqrt{2 \cdot 3^2 \cdot 18} - \sqrt{169} = 36 : 18 - 13 = -11$

**Bài 12/sgk:** Tìm x để mỗi căn thức sau có nghĩa:

$$c) \sqrt{\frac{1}{-1+x}} \text{ xác định}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{-1+x} \geq 0 \Leftrightarrow -1+x > 0$$

$$\Leftrightarrow x > 1$$

**Bài 22/sgk. Giải**

$$a. \sqrt{13^2 - 12^2} = \sqrt{(13-12)(13+12)} = \sqrt{25} = 5$$

$$b. \sqrt{17^2 - 8^2} = \sqrt{(17-8)(17+8)} \\ = \sqrt{9 \cdot 25} = 3 \cdot 5 = 15$$

**Bài 24/sgk. Giải.**

$$a. \sqrt{4(1+6x+9x^2)^2} = \sqrt{4} \cdot \sqrt{(1+6x+9x^2)^2} \\ = 2|1+6x+9x^2| = 2|(1+3x)^2| = 2(1+3x)^2 \text{ vì } (1+3x)^2 \geq 0$$

Thay  $x = -\sqrt{2}$  ta được :

$$2(1-3\sqrt{2})^2 = 2(1-6\sqrt{2}+9 \cdot 2) = 38-12\sqrt{2}$$

**Bài 26 (SGK - 16)b. Với  $a > 0$ ;  $b > 0$  CMR:**

$$\sqrt{a+b} < \sqrt{a} + \sqrt{b}; a > 0, b > 0$$

$$\Rightarrow 2ab > 0.$$

Khi đó:  $a + b + 2ab > a + b$

$$\Leftrightarrow (\sqrt{a} + \sqrt{b})^2 > (\sqrt{a+b})^2$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{a} + \sqrt{b} > \sqrt{a+b}$$

Hay  $\sqrt{a+b} < \sqrt{a} + \sqrt{b}$

**Bài 33 .SGK**

$$b) \quad \sqrt{3x} + \sqrt{3} = \sqrt{12} + \sqrt{27}$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{3x} + \sqrt{3} = \sqrt{4 \cdot 3} + \sqrt{9 \cdot 3}$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{3x} = 2\sqrt{3} + 3\sqrt{3} - \sqrt{3}$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{3x} = 4\sqrt{3} \Leftrightarrow x = 4$$

$$c) \quad \sqrt{3x^2} = \sqrt{12} \Leftrightarrow x^2 = \frac{\sqrt{12}}{\sqrt{3}}$$

$$\Leftrightarrow x^2 = \sqrt{\frac{12}{3}} \Leftrightarrow x^2 = \sqrt{4} \Leftrightarrow x^2 = 2$$

Vậy  $x_1 = \sqrt{2}$  ;  $x_2 = -\sqrt{2}$

**Bài 5. (SGK Tr69)**

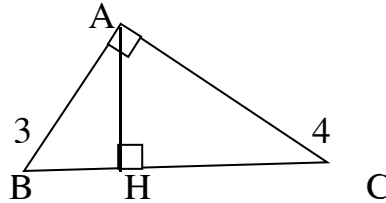
$\triangle ABC$  có  $\hat{A} = 90^\circ$

$AB = 3$ ;  $AC = 4$

$AH = ?$

$BH = ?$

$CH = ?$



Giải:

-Theo định lý Pitago ta có:

$$BC^2 = AB^2 + AC^2$$

$$\Rightarrow \sqrt{AB^2 + AC^2} = \sqrt{3^2 + 4^2} = \sqrt{25} = 5$$

-Theo hệ thức (1) ta có:

$$AB^2 = BC \cdot BH \Rightarrow BH = \frac{AB^2}{BC} = \frac{3^2}{5} = \frac{9}{5}$$

Tương tự:  $\Rightarrow CH = \frac{AC^2}{BC} = \frac{4^2}{5} = \frac{16}{5}$

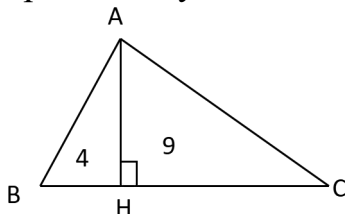
-Theo hệ thức (2) ta có:

$$AH^2 = BH \cdot CH$$

$$\Rightarrow AH = \sqrt{BH \cdot CH} = \sqrt{\frac{9}{5} \cdot \frac{16}{5}} = \sqrt{\frac{9 \cdot 16}{25}} =$$

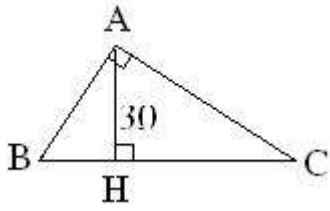
$$\frac{\sqrt{9} \cdot \sqrt{16}}{\sqrt{25}} = \frac{3 \cdot 4}{5} = \frac{12}{5}$$

Bài tập tự rèn luyện : Cho hình vẽ sau: Hãy tính AH và AC?



Đs :  $AH = 6$  ,  $AC = 3\sqrt{13}$  .

Cho  $\frac{AB}{AC} = \frac{5}{6}$ . Tính BH, CH ?



Hướng dẫn :  $CH = \frac{CA}{AB} \cdot AH \Leftrightarrow \frac{AB}{CA} = \frac{AH}{CH} \Leftrightarrow \Delta ABH \sim \Delta CAH$ .

**CHÚC CÁC EM TỰ HỌC TỐT và Thực hiện Quy Tắc 5K + Vaccine để chiến thắng đại dịch Covid 19.**

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

**MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9 – TUẦN 02**

-o0o-

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC Ở NHÀ**

**CHUYÊN ĐỀ: THÍCH ỨNG VỚI SỰ THAY ĐỔI VÀ QUẢN TRỊ THỜI GIAN**

**1-Thích ứng với sự thay đổi của hoàn cảnh**

-Chống lại sự thay đổi là phản ứng tâm sinh lý tự nhiên của con người. Nếu làm chủ được bản thân, chúng ta có thể học cách thích nghi để thành công hơn trong cuộc sống.

-Nguyên nhân sự thay đổi của hoàn cảnh có thể đến từ gia đình, xã hội, môi trường sống, sự phát triển của công nghệ... Do đó chúng ta phải thích ứng được với các thay đổi để có thể tồn tại và phát triển, thậm chí nhìn ra và nắm bắt được những cơ hội để thành công trong cuộc sống.

-Đứng trước một sự thay đổi lớn lao, chúng ta thường có các phản ứng:

+*Bác bỏ*: không muốn chấp nhận sự thay đổi đó, “mong thời gian quay trở lại”

+*Giận dữ*: phẫn nộ vì “tại sao chuyện ấy lại xảy ra với mình”

+*Kèo nài*: tìm cách trì hoãn thực hiện sự thay đổi, “để xem tình hình sắp tới thế nào đã...”

+*Chán nản*: muốn buông xuôi trước những khó khăn, thử thách mà sự thay đổi đem đến.

+*Chấp nhận*: vượt qua được những tình cảm tiêu cực, chấp nhận buông bỏ một số thói quen cũ để thiết lập những hành vi mới phù hợp với hoàn cảnh.

Để vượt qua tất cả những điều đó, chúng ta rất cần năng lực làm chủ bản thân.

**2-Quản trị thời gian của bản thân**

**“Quản trị thời gian là quản trị chính bản thân mình”** (Tiến sĩ Lê Thẩm Dương)

-Thời gian là chất liệu tạo nên cuộc sống, thời gian quý hơn vàng, hãy trân trọng và sử dụng hợp lý vì một tương lai phát triển bền vững. Cuộc sống và thời gian là hai người thầy tốt nhất, cuộc sống dạy chúng ta sử dụng thời gian tốt và thời gian dạy chúng ta giá trị của cuộc sống. Quản trị thời gian giúp chúng ta sống ý nghĩa và làm hiệu quả.

-Quản trị thời gian là một kỹ năng mềm quan trọng vì nó đòi hỏi bạn phải vượt lên chính mình để chinh phục nó. Mỗi người đều có 24 tiếng trên một ngày, người thành công kẻ thất bại trong việc sử dụng quỹ thời gian đó phụ thuộc vào hai yếu tố: bạn kiểm soát số giờ trong ngày như thế nào và số việc bạn làm trong một giờ là gì? Làm thế nào để kiểm soát được thời gian?

-Để kiểm soát được thời gian bạn phải trải qua các bước:

+*Liệt kê các việc cần làm*: là bước khởi động đầu tiên

+*Phân loại, bố trí công việc*: công việc sẽ được chia thành bốn nhóm:

- Quan trọng nhưng không khẩn cấp: sức khỏe, gia đình, sự nghiệp, bạn bè...
- Quan trọng và khẩn cấp: là những công việc đến hạn (trả nợ, đi thi, nộp báo cáo...).
- Không quan trọng nhưng khẩn cấp: có thể nhờ người khác làm hộ (sửa xe, sửa điện thoại...)
- Không quan trọng không khẩn cấp: nhậu nhẹt, tụ tập bạn bè, chơi game, xem phim...

+*Bố trí thời gian và thực hiện*: phải tự thiết lập cho mình những nguyên tắc về ý chí, thái độ lao động, phương pháp lao động và một chút thông minh.

-Người biết quản trị thời gian là người biết phân loại đúng các công việc mình cần làm vào từng nhóm, nhóm nào dành thời gian nhiều nhất và nhóm nào có thể rút ngắn thời gian. Hãy từ chối những lời đề nghị không tốt làm bạn phải tốn thời gian, tập trung vào làm việc để sau đó có những phút giây thư giãn thoải mái.

**Yêu cầu cần thực hiện**: Em hãy đọc kỹ các nội dung ở trên để chứng minh rằng: nếu không có phẩm chất tự chủ thì không thể thích nghi với sự thay đổi và quản lý thời gian của bản thân.

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

---

**MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9 – TUẦN 03**

-o0o-

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC Ở NHÀ**

**A-KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

<b>Chủ đề I</b> <b>HOÀN THIỆN BẢN THÂN</b>
---

**II-CHÍ CÔNG VÔ TƯ**

Con người thường hay có xu hướng thiên vị => Cần phải rèn luyện phẩm chất chí công vô tư.

**1-Chí công vô tư** là phẩm chất đạo đức của con người, thực hiện ở sự công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, xuất phát từ lợi ích chung và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân; luôn khách quan, công bằng trong cuộc sống và trong công việc.

**2-Biểu hiện chí công vô tư:**

-Công bằng, không thiên vị, làm việc theo lẽ phải, vì lợi ích chung.

-Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống và trong công việc.

**3-Ý nghĩa:**

-*Đối với sự phát triển của cá nhân:* người chí công vô tư sẽ sống thanh thản, được mọi người vì nể, kính trọng;

-*Đối với tập thể, xã hội:* đem lại lợi ích cho tập thể, cộng đồng, xã hội, đất nước.

**B-HƯỚNG DẪN HỌC BÀI**

**1-HS** đọc kỹ phần kiến thức trọng tâm ở trên, kết hợp đọc thêm SGK (nếu có) và thông tin trên internet để nắm được cơ bản nội dung bài học.

**2-Theo em,** học sinh THCS còn chưa thành niên, chưa có địa vị xã hội hay quyền lực gì cả thì có cần phải rèn luyện chí công vô tư không? Hãy giải thích tại sao?

**3-Hãy kể ngắn gọn về một tấm gương chí công vô tư mà em thấy tâm đắc/ ngưỡng mộ nhất.**

**4-Hãy tìm đọc câu chuyện “*Sát thê cầu tướng*” của Bạch Khởi ở thời nhà Tần Trung Quốc. Theo em, hành vi của Bạch Khởi có phải là chí công vô tư hay không? Hãy giải thích tại sao?**

**5-Vào dịp tết, các vị thân nhân, khách đến nhà chúc tết; có người lì xì chỉ 5-10.000đ nhưng có người hào phóng lì xì đến 500.000đ. Như vậy, theo em, em cần phải đối xử với họ như thế nào cho phù hợp?**

## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b><u>Chủ đề 4</u> : BÀI TẬP VẬN DỤNG ĐỊNH LUẬT ÔM</b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 9</b>
<b>Hoạt động 1: Học sinh ghi bài</b>	<p><b><u>Bài 1</u></b> : Cho điện trở <math>R_1 = 5\Omega</math>, <math>R_2 = 10\Omega</math>, <math>R_3 = 15\Omega</math> được mắc nối tiếp nhau vào hiệu điện thế 12V.</p> <p>a) Tính điện trở tương đương của đoạn mạch. b) Tính hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở.</p> <p>Tóm tắt : <span style="float: right;">Giải</span></p> <p><math>R_1 = 5\Omega</math> <span style="float: right;">a) Điện trở tương đương đoạn mạch</span>  <math>R_2 = 10\Omega</math> <span style="float: right;"><math>R = R_1 + R_2 + R_3 = 5 + 10 + 15 = 30\Omega</math></span>  <math>R_3 = 15\Omega</math> <span style="float: right;">b) Cường độ dòng điện đoạn mạch</span>  <math>U = 12V</math> <span style="float: right;"><math>I = U/R = 12/30 = 0,4A</math></span></p> <p>a) <math>R = ?\Omega</math> <span style="float: right;">Vì mạch nối tiếp nên <math>I = I_1 = I_2 = I_3 = 0,4A</math></span>  b) <math>U_1 = ?V</math> <span style="float: right;">Hiệu điện thế 2 đầu <math>R_1</math></span>  <math>U_2 = ?V</math> <span style="float: right;"><math>U_1 = I_1 \cdot R_1 = 0,4 \cdot 5 = 2V</math></span>  <math>U_3 = ?V</math> <span style="float: right;">Hiệu điện thế 2 đầu <math>R_2</math></span>  <span style="float: right;"><math>U_2 = I_2 \cdot R_2 = 0,4 \cdot 10 = 4V</math></span>  <span style="float: right;">Hiệu điện thế 2 đầu <math>R_3</math></span>  <span style="float: right;"><math>U_3 = I_3 \cdot R_3 = 0,4 \cdot 15 = 6V</math></span></p> <p><b><u>Bài 2</u></b> : Cho điện trở <math>R_1 = 10\Omega</math>, <math>R_2 = R_3 = 20\Omega</math> được mắc song song với nhau vào hiệu điện thế 12V.</p> <p>a) Tính điện trở tương đương của đoạn mạch.</p>

b) Tính cường độ dòng điện chạy qua mạch chính và qua từng mạch rẽ.

Tóm tắt :

Giải

$$R_1 = 10 \Omega$$

a) Điện trở tương đương của đoạn mạch

$$R_2 = R_3 = 20 \Omega$$

$$R = R_1 + R_2 + R_3 = 10 + 20 + 20 = 50 \Omega$$

$$U = 12V$$

b) Vì mạch song song nên  $U_1 = U_2 = U_3 = U = 12V$

a)  $R = ? \Omega$

Cường độ dòng điện qua mạch chính

b)  $I = ? A$

$$I = U/R = 12/50 = 0,24A$$

$$I_1 = ? A$$

Cường độ dòng điện qua  $R_1$

$$I_2 = ? A$$

$$I_1 = U_1/R_1 = 12/10 = 1,2A$$

$$I_3 = ? A$$

Cường độ dòng điện qua  $R_2$

$$I_2 = U_2/R_2 = 12/20 = 0,6A$$

Cường độ dòng điện qua  $R_3$

$$I_3 = U_3/R_3 = 12/20 = 0,6A$$

**Bài 3 :** ( là bài 2 trang 29 sách tài liệu dạy học Vật Lý )

Tóm tắt :

Giải

$$R_1 = 60 \Omega$$

a) Điện trở  $R_{12}$

$$R_2 = 40 \Omega$$

$$1/R_{12} = 1/R_1 + 1/R_2 = 1/60 + 1/40 = 1/24$$

$$R_3 = 36 \Omega$$

$$R_{12} = 24 \Omega$$

$$U = 9V$$

Điện trở tương đương của đoạn mạch

a)  $R = ? \Omega$

$$R = R_{12} + R_3 = 24 + 36 = 60 \Omega$$

b)  $I = ? A$

b) Cường độ dòng điện mạch chính

$$I_1 = ? A$$

$$I = U/R = 9/60 = 0,15A$$

$$I_2 = ? A$$

Vì  $R_3$  nối tiếp  $R_{12}$  nên  $I = I_{12} = I_3 = 0,15A$

$$I_3 = ? A$$

Hiệu điện thế  $R_{12}$

$$U_{12} = I_{12}/R_{12} = 0,15.24 = 3,6V$$

	<p>Vì <math>R_1 // R_2</math> nên <math>U_{12} = U_1 = U_2 = 3,6V</math></p> <p>Cường độ dòng điện qua <math>R_1</math></p> $I_1 = U_1/R_1 = 3,6/60 = 0,06A$ <p>Cường độ dòng điện qua <math>R_2</math></p> $I_2 = U_2/R_2 = 3,6/40 = 0,09A$
<b>Hoạt động 2: Học sinh làm bài</b>	- Làm bài tập 1 trang 28.
<b>Hoạt động 3 : Dặn dò</b>	- Các em có hỏi thì điện thoại cô, số điện thoại 0978250580 hoặc gửi câu hỏi qua mail cô <a href="mailto:kimhabt@gmail.com">kimhabt@gmail.com</a>

### PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	<b><u>Chủ đề 5</u> : CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐIỆN TRỞ CỦA MỘT DÂY DẪN</b>
Khối lớp	<b>Khối lớp 9</b>
Hoạt động 1: Học sinh	<b><u>I. SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ DÂY DẪN VÀO ĐỘ DÀI DÂY :</u></b> Khi các dây dẫn có cùng tiết diện và được làm từ cùng một loại vật liệu thì điện

ghi bài

trở của dây dẫn tỉ lệ thuận với độ dài của dây.

## **II. SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ DÂY DẪN VÀO TIẾT DIỆN DÂY :**

Khi các dây dẫn có cùng độ dài và được làm từ cùng một loại vật liệu thì điện trở của dây dẫn tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây.

## **III. SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ DÂY DẪN VÀO VẬT LIỆU LÀM DÂY :**

- Sự phụ thuộc của điện trở vào vật liệu làm dây dẫn được đặc trưng bằng một đại lượng là điện trở suất của một vật liệu.

- Điện trở suất của một vật liệu ( hay một chất ) là đại lượng đặc trưng cho khả năng cản trở dòng điện của vật liệu đó.

- Điện trở suất của một vật liệu có trị số bằng điện trở của một đoạn dây dẫn hình trụ làm bằng vật liệu đó và có độ dài 1m, tiết diện  $1\text{m}^2$ .

- Điện trở suất được kí hiệu là  $\rho$  ( *đọc là rô* ).

- Đơn vị của điện trở suất là ôm mét, kí hiệu là  $\Omega\text{m}$ .

- Một chất dẫn điện càng tốt ( cản trở dòng điện càng ít ) khi điện trở suất của chất đó càng nhỏ.

## **IV. CÔNG THỨC TÍNH ĐIỆN TRỞ :**

**1. Phát biểu :** Điện trở của dây dẫn tỉ lệ thuận với độ dài  $l$  của dây, tỉ lệ nghịch với tiết diện  $S$  của dây và phụ thuộc vào vật liệu làm dây.

### **2. Công thức :**

$$R = \rho \frac{l}{S}$$

Trong đó :

$R$  là điện trở của dây (  $\Omega$  ),

$l$  là độ dài của dây ( m ),

$\rho$  là điện trở suất (  $\Omega\text{m}$  ),

$S$  là tiết diện của dây (  $\text{m}^2$  ).

### **3. Áp dụng :**

Tính điện trở của một dây nhôm có độ dài 500m, tiết diện  $2\text{mm}^2$ , điện trở suất của nhôm là  $2,8.10^{-8}\Omega\text{m}$ .

Tóm tắt :

Giải

$$l = 500\text{m}$$

Điện trở của dây nhôm

$$S = 2\text{mm}^2$$

$$R = \rho.l/S = 2,8.10^{-8}.500/2.10^{-6} = 7\Omega$$

$$\rho = 2,8.10^{-8}\Omega\text{m}$$

$$R = ?\Omega$$

### **V. BÀI TẬP :**

**Bài 1 :** Ở các nhà cao tầng, người ta thường lắp cột thu lôi để chống sét. Dây nối đầu cột thu lôi xuống đất là dây sắt, có điện trở suất là  $12,0.10^{-8}\Omega\text{m}$ . Tính điện trở của một dây dẫn bằng sắt này nếu nó dài 40m và có đường kính tiết diện là 8mm.

Tóm tắt :

Giải

$$\rho = 12,0.10^{-8}\Omega\text{m}$$

Tiết diện dây dẫn là :

$$l = 40\text{m}$$

$$S = \pi.d^2/4 = 3,14.0,008^2/4 = 50,24.10^{-6}\text{m}^2$$

$$d = 8\text{mm} = 0008\text{m}$$

Điện trở dây dẫn bằng Sắt

$$R = ? \Omega$$

$$R = \rho.l/S = 12.10^{-8}.40/50,24.10^{-6} = 0,0955\Omega$$

**Hoạt động  
2: Học sinh  
làm bài**

- Học bài, làm bài tập bài 9.4 trang 24 SBT.

**Hoạt động  
3 : Dặn dò**

- Các em có hỏi thì điện thoại cô, số điện thoại 0978250580 hoặc gửi câu hỏi qua mail cô [kimhbt@gmail.com](mailto:kimhbt@gmail.com)